TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT
Ngày: 24-01-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2018/TLPT-DS ngày 05/10/2018 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Toà án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2018/QĐPT-DS ngày 26/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 81/2018/QĐPT-DS ngày 12/11/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 18/2018/QĐPT-DS ngày 28/11/2018 và Thông báo về việc mở phiên tòa phúc thẩm số 10/2019/TB-TA ngày 10/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trương Thị D, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp 1, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ 53, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1966, địa chỉ: khu phố P, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- Bà Trương Thị S, sinh năm 1970, địa chỉ: tổ 9, khu phố 4, ấp C, xã C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972, địa chỉ: số 7-9 đường 65, phường T, Q.7, TP.Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2016) (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng V (tên gọi khác: Ngụy Thị Hồng V) sinh năm 1956, địa chỉ: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Luật sư Hoàng Thái Ng - Văn phòng Luật sư Phạm Hữu T, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước, trụ sở: Đường ĐT 741, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn N - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh T - Chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P (theo Giấy ủy quyền số 92/GUQ-UBND ngày 31/8/2017) của Chủ tịch UBND huyện P (có đơn xin vắng mặt).

- Anh Trương Phú Ch, sinh năm 1983 (có mặt).

- Anh Trương Minh T, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Anh Ch, anh T có cùng địa chỉ: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Trương Thị D, ông Trương Văn H sinh năm 1962, Trương Văn H, bà Trương Thị S, ông Trương Văn H sinh năm 1973; Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Phú Ch và Trương Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Trương Thị D; ông Trương Văn H, sinh năm 1962; ông Trương Văn H; bà Trương Thị S và ông Trương Văn H, sinh năm 1973 cùng thống nhất trình bày:***

Cụ Đinh Thị Nh chết năm 1976 và cụ Trương Văn M chết năm 2003 (sau đây gọi là cụ Nh và cụ M), có 05 người con chung gồm: Trương Thị D, sinh năm 1964; Trương Văn H, sinh năm 1962; Trương Văn H, sinh năm 1966; Trương Thị S, sinh năm 1970; Trương Văn H, sinh năm 1973 (sau đây gọi là bà D, ông H sinh năm 1962, ông H, bà S và ông H sinh năm 1973). Hiện cả 05 người con đã thành niên, đều còn sống, không có ai bị mất khả năng lao động và bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Sau khi cụ Nh chết, đến năm 1983 cụ M có chung sống với bà Nguyễn Thị Hồng V (tên gọi khác Ngụy Thị Hồng V), sinh năm 1956 (sau đây gọi là bà V) như vợ chồng đến năm 2003.

Cụ M có 02 người con chung với bà V gồm: Trương Phú Ch, sinh năm 1983 và Trương Minh T, sinh năm 1985 (sau đây gọi là anh Ch và anh T). Hiện cả 02 người đã thành niên, đều còn sống, không có ai bị mất khả năng lao động và bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Cụ Nh và cụ M không còn ai là cha mẹ

đẻ, cha mẹ nuôi hay là vợ, chồng với người khác mà còn sống và không có con nuôi hay con đẻ khác.

Cụ Nh và cụ M không có bất cứ nghĩa vụ tài sản gì đối với ai trước khi chết.

Năm 1976 cụ Nh chết nhưng không để lại di chúc, di sản để lại là toàn bộ tài sản chung của cụ M và cụ Nh cùng các con tạo lập được từ năm 1972 là tổng diện tích đất 24.440m^2 (số liệu các thửa cộng lại là 24.441m^2) toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, gồm:

1/ Thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

2/ Thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

4/ Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Hiện nay các thửa đất trên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 428835 (số vào sổ 4239/CN) ngày 03-9-2003 do UBND huyện P (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

5/ Thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.143m^2, toạ lạc tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01-12-2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho ông Trương Phú Ch.

Di sản cụ M chung với bà V gồm có:

- Diện tích 20.195m^2 (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/9/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B), nay bà V khai phá thêm nên diện tích đất tăng thành 41.501,8m^2, thuộc thửa đất số 58, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện do anh Trương Minh T kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp đất.

- Diện tích đất 31.696,4m^2, thuộc thửa đất số 39, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện do anh Trương Phú Ch kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp đất.

Năm 2003 cụ M chết để lại toàn bộ tài sản trên và không lập di chúc. Tuy nhiên, sau khi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P thì bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V mới cung cấp di chúc chung giữa cụ Trương Văn M với bà Nguyễn Thị Hồng V ngày 17-7-1996 về việc để lại tài sản chung gồm có:

- Diện tích đất 4.000m^2 và căn nhà bán kiên cố cho Trương Minh T;
- Diện tích đất 7.000m^2 trồng cây cao su cho Trương Phú Ch;
- Diện tích đất 7.000m^2 trồng cây điều cho Trương Văn H.

Nguyên đơn cho rằng di chúc lập ngày 17-7-1996 mà bị đơn cung cấp cho Tòa án là vô hiệu. Vì:Tài sản trên là của cụ M và cụ Nh, không phải tài sản chung

với bà V, nên không thể làm di chúc chung với bà V;Tài sản được cấp quyền sử dụng đất ngày 10-3-1997 nhưng ngày 17-7-1996 lập di chúc định đoạt tài sản là vô hiệu;Chữ viết và chữ ký Trương Văn M trong bản di chúc ngày 17-7-1996 không phải là chữ do cụ M viết và ký. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu làm thủ tục giám định theo quy định của pháp luật.

Nay nguyên đơn và người đại diện nguyên đơn theo ủy quyền yêu cầu:

1/ Hủy bỏ tờ di chúc ngày 17-7-1996.

2/ Hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 428835 (số vào sổ 4239/CN) ngày 03/9/2003 do UBND huyện P (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sốH 581718 (số vào sổ 906) ngày 10-3-1997 của Uỷ ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho hộ ông Trương Văn M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01-12-2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho anh Trương Phú Ch.

3/ Buộc bà V trả lại toàn bộ các thửa đất hình thành trước khi bà V về chung sống với cụ M gồm:

- Thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

-Thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

-Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

-Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nh và cụ M theo quy định của pháp luật.

4/ Thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.143m^2, toạ lạc tại thôn Tân Hòa, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01-12-2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho anh Trương Phú Ch. Tài sản trên đất đất trồng cây cao su và 02 ngôi mộ trên đất. Nay, yêu cầu Tòa án tuyên làm tài sản chung không chia để dùng làm nơi thờ cúng chung.

5/ Chia các tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V với cụ M theo pháp luật thừa kế đối với:

- Diện tích 20.195m^2 (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17-9-2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B), thuộc thửa số 58, diện tích 41.501,8m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện do anh Trương Minh T kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp đất.

- Diện tích đất 31.696,4m^2, thuộc thửa số 39, toạ lạc tại thôn P,

xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện do anh Trương Phú Ch kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp.

Không yêu cầu giải quyết đối với thửa đất số 56, diện tích 29.800,8m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước do bà Nguyễn Thị Hồng V kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc buộc bị đơn phải trả lại phần thu lợi hoa màu trên các thửa đất tranh chấp kể từ năm 2003 đến nay.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:***

Bà V không đồng ý với trình bày của các nguyên đơn. Vì:

1/ Diện tích đất 1.764m^2, thuộc thửa số 30a, tờ bản đồ số 10:

Năm 1982 cụ M đón bà V về chung sống cùng các con riêng của cụ M với cụ Nh trên diện tích đất 1.764m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư) thuộc thửa số 30a, tờ bản đồ số 10. Tài sản trên đất khi đó có 01 căn nhà tranh tre. Nguồn gốc thửa đất này là sau khi bà V về chung sống với cụ M năm 1982 thì cụ M có ý định đi Campuchia, nên đã cho bà Đỗ Thị Th (cụ L) thửa đất này, nhưng do bà V không chịu đi, nên bà V có sang xin lại cụ L thửa đất này để ở và cụ L đã cho lại bà V.

2/ Diện tích đất 1.940m^2, thuộc thửa số 31b, tờ bản đồ số 10:

Trước năm 1997 thì cầu đi qua suối R chỉ có cây cầu sắt và bên dưới là đường ngầm đi qua suối tiếp giáp với diện tích đất 1.764m^2, thuộc thửa số 30a, tờ bản đồ số 10. Đến năm 1997 thì nhà nước có làm cầu bê tông và nắn lại con đường ĐT 741 cho thẳng như hiện nay, bỏ lại diện tích đất 1.940m^2 nên bà Vvà cụ M đã lấy sử dụng, canh tác. Năm 2005 bà V có làm đơn xin Ủy ban nhân dân xã P cho đổ đất san lấp mặt bằng như hiện nay.

3/ Diện tích đất 6.691m^2, thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 25:

Khoảng năm 1989 bà V và cụ M cùng khai phá, canh tác trồng lúa, trồng mì diện tích khoảng 15.000m^2, do người ta bỏ hoang vì đất kém màu mỡ sau đó trồng cây điều trên đất nhưng không nhớ năm nào, rồi điều bị cháy nên cắt đi trồng cây cao su, rồi cao su bị cháy lại cắt cao su trồng cây điều. Năm 2011 thì cưa cây điều trồng cây cao su đến nay. Năm 1996 bà V có đơn xin Ủy ban nhân dân xã P cho khai phá trồng cây điều và chia cho ông Trương Văn H diện tích hơn 7.000m^2. Bà V không yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất đã cho ông Trương Văn H.

4/ Diện tích đất 14.495m^2, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 11:

Khoảng năm 1989 do người ta bỏ hoang vì đất kém màu mỡ, nhưng đất gần nhà nên tôi V và cụ M có lấy để canh tác trồng lúa, trồng mì, sau đó trồng cây điều trên đất, nhưng không nhớ năm nào, rồi điều bị cháy nên cắt đi trồng cây cao su khoảng năm 2008 đến nay. Toàn bộ diện tích đất trên bà V và cụ M đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp quyền sử dụng diện tích đất 24.440m^2 (24.441m^2) toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 581718 (số vào sổ 906/QSDĐ) ngày 10-3-1997 cho hộ ông Trương Văn M theo hộ khẩu xin cấp đất gồm có 04 người: cụ Trương Văn M; bà Nguyễn Thị Hồng V; anh Trương Phú Ch và anh Trương Minh T.

Sau khi cụ M chết năm 2003 thì bà V đi làm thủ tục thừa kế toàn bộ diện tích đất 24.440m^2 (24.441m^2) toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, thuộc các thửa số: 30a và 31b, tờ bản đồ số 10; thửa số 12, tờ bản đồ số 11 và thửa số 31, tờ bản đồ số 25 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 428835, ngày 03-9-2003 do UBND huyện P (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

5/ Diện tích đất 1.143m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư), thuộc thửa số 87 và 88, tờ bản đồ số 41:

Trước đó thì bà V không biết nguồn gốc đất này như thế nào, nhưng bà V chỉ biết trên đất khi bà V về năm 1982 thì có 01 ngôi mộ của cụ Nh trên đất. Năm 1997 thì đất này được cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Mạnh T. Nhưng khi còn sống thì cụ M có xin ông T là sau khi chết thì cho xin đất để chôn cùng với cụ Nh và ông T đồng ý. Sau khi cụ M chết gia đình có chôn cụ M bên đất theo thỏa thuận này, nhưng chỉ chôn cất được khoảng một tuần thì vợ và con ông T không đồng ý cho chôn nên bà V phải gom tiền để mua lại đất với số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Nguồn gốc tiền là do anh Ch đi bộ đội xuất ngũ được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), còn lại vay thêm để trả cho ông T.

Nay diện tích đất 1.143m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư) tọa lạc tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện P (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2421, ngày 01/12/2004 cho anh Trương Phú Ch.

6/ Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6,diện tích 41.501,8m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất đã được đo đạc chính quy, hiện do anh Trương Minh T kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp đất.

Sau khi cụ M chết, bà V và các con là Trương Phú Ch, sinh năm 1983 và Trương Minh T, sinh năm 1985 cùng mua của ông Điểu H với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng) khoảng tháng 6 năm 2003. Tiền để mua đất này là do vay mượn mà có. Khi mua trên đất trồng cây điều còn nhỏ chưa được thu hoạch, khoảng 01ha, nên sau khi mua bà V và các con C, T có khai phá trồng thêm cây điều năm 2004 và trồng cây cao sunăm 2013-2014.

7/ Diện tích 31.696,4m^2, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 9 toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất hiện do anh Trương Phú Ch kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp đất.

Nguồn gốc đất mua của ông Điểu Tr và ông Điểu Y không nhớ rõ ngày tháng năm mua bán và số tiền bao nhiêu. Tiền mua đất mà do vay của ngân hàng mà có. Tài sản trên đất khi mua có trồng cây điều trên đất chưa được thu hoạch. Cây trồng trên đất hiện nay không thay đổi.

8/ Về việc lập di chúc ngày 17-7-1996:

Năm 1996 bà V và cụ Trương Văn M có lập di chúc chung để định đoạt những tài sản chưa được cấp quyền sử dụng đất gồm có:

+ Diện tích đất 4.000m^2 và căn nhà bán kiên cố cho Trương Minh T;

+ Diện tích đất 7.000m^2 trồng cây cao su cho Trương Phú Ch;

+ Diện tích đất 7.000m^2 trồng cây điều cho Trương Văn H.

Nội dung di chúc là do cán bộ xã lập giúp theo sự định đoạt của cụ M và bà V. Việc định đoạt tài sản trong di chúc khi chưa được cấp quyền sử dụng đất và việc miêu tả các thửa đất có mâu thuẫn, nhưng theo bà V là có giá trị pháp lý, vì đây là quyền định đoạt của cụ M khi đó và việc nhầm lẫn về các thửa đất cũng chỉ nhầm lẫn giữa di sản cho anh Ch và anh T. Việc lập di chúc ngày 17-7-1996 là đúng, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà V đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện P là ông Nguyễn Danh T trình bày:

Việc UBND huyện P (cũ) cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Hồng V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 428835 (số vào sổ 4239/CN) ngày 03/9/2003 và cấp cho anh Trương Phú Ch theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01-12-2004. Tại Công văn số 260/UBND-SX ngày 03-03-2017 của UBND huyện P trả lời cho Tòa án đã khẳng định tính pháp lý của cả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tại thời điểm cấp giấy là đúng trình tự, thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 428835 (số vào sổ 4239/CN) ngày 03-9-2003 do UBND huyện P (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V và đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 581718 (số vào sổ 906/QSDĐ) ngày 10-3-1997 do UBND huyện P (cũ) cấp cho hộ ông Trương Văn M;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01-12-2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho anh Trương Phú Ch.

UBND huyện P đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất, sổ hộ khẩu gia đình của người được cấp đất và các chứng cứ khác mà các đương sự đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và hồ sơ cấp đất để làm căn cứ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

- Anh Trương Phú Ch và anh Trương Minh T các anh cùng thống nhất với lời trình bày của bà V và không có ý kiến bổ sung gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị D; ông Trương Văn H, sinh năm 1962; ông Trương Văn H; bà Trương Thị S và ông Trương Văn H, sinh năm 1973.

1. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 428835 (số vào sổ 4239) ngày 03/9/2003 của Uỷ ban nhân dân huyện P cấp các thửa đất số 30a, 31b tờ bản đồ số 10; thửa đất số 12 tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 25 với tổng diện tích là 24.441m^2 (24.440m^2) cùng toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cho bà Nguyễn Thị Hồng V;

2. Không chấp nhận tuyên huỷ đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 581718 (số vào sổ 906) ngày 10/3/1997 của Uỷ ban nhân dân huyện P cấp các thửa đất số 30a, 31b tờ bản đồ số 10; thửa đất số 12 tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 25 với tổng diện tích là 24.441m^2 (24.440m^2) cùng toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phướccho hộ ông Trương Văn M do đã thu hồi toàn bộ để cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng V ngày 03/9/2003;

3. Tuyên hủy di chúc chung lập ngày 17-7-1996 của cụ Trương Văn M và bà Ngụy Thị Hồng V được UBND xã P xác nhận ngày 19/7/1996.

4. Tuyên chia di sản thừa kế:

4.1. Chia cho các đồng thừa kế gồm bà Trương Thị D; ông Trương Văn H, sinh năm 1962; ông Trương Văn H; bà Trương Thị S và ông Trương Văn H, sinh năm 1973 các tài sản:

- 01 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m^2, tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận: Phía đông giáp đất ông H; phía tây giáp đất bà T, ông Đ, ông C; phía nam giáp thửa đất số 32 và phía bắc giáp đất bà T, ông N. Tài sản trên đất gồm: 400 cây cao su trồng năm 2013.

- 01 thửa đất số 39, tờ bản đồ số 9, diện tích đất 31.696,4m^2, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận: Phía đông giáp đất của ông Điểu Ph, suối và đất của ông Hoàng Văn Nh; phía tây giáp đất của ông Điểu Ph và ông Điểu M; phía nam giáp thửa đất số 56 của bà Nguyễn Thị Hồng V; phía bắc giáp đất ông Điểu Tr và suối. Tài sản trên đất gồm: 125 cây điều trồng năm 1998, 325 cây điều trồng năm 2004 và 139 cây cao su trồng năm 2013-2014.

Tổng trị giá tài sản bà Trương Thị D; ông Trương Văn H, sinh năm 1962; ông Trương Văn H; bà Trương Thị S và ông Trương Văn H, sinh năm 1973 được hưởng có trị giá thành tiền là 1.158.094.000đ. Toàn bộ tài sản do bà Trương Thị D làm người đại diện đứng tên tài sản chung.

Buộc các nguyên đơn bà Trương Thị D; ông Trương Văn H, sinh năm 1962; ông Trương Văn H; bà Trương Thị S và ông Trương Văn H, sinh năm 1973 cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền 38.181.750 đồng là trị giá tài sản thành tiền của bà Nguyễn Thị Hồng V.

4.2. Chia cho các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Hồng V; anh Trương Phú Ch; anh Trương Minh T các tài sản:

- 01 thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư) tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ

cận: Phía đông giáp suối, phía tây giáp đường, phía nam giáp đường và phía bắc giáp suối R.

Tài sản trên đất gồm: 01căn nhà gỗ ba gian làm năm 1989, diện tích 48m^2, loại nhà gác lửng, cột bê tông và gỗ, tường ván gỗ, mái lợp ngói, nền trên bằng ván gỗ; 01 hiên có diện tích (11 x 3)m làm năm 2016, nền xi măng, mái lợp tôn; 01 hiên nền gạch men, diện tích (6 x 3,7)m làm năm 2007, mái lợp tôn; 01 bếp nền gạch men và 01 phòng ngủ có tổng diện tích (5 x 6)m, mái lợp tôn, nền gạch men làm năm 2007; 03 cây xoài trồng năm 2014-2015.

- 01 Thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m^2, tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía đông giáp đường, phía tây giáp đường ĐT 741, phía nam giáp đất ông H và phía bắc giáp suối R. Tài sản trên đất không có.

- 01 Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m^2, tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía đông giáp đất ông M, phía tây giáp suối R, phía nam giáp đất ông Q và phía bắc giáp suối R. Tài sản trên đất gồm: 550 cây cao su trồng năm 2008;

- 01 diện tích đất 10.097,5 m^{2}và tài sản trên đất trong phần diện tích đất tranh chấp 20.195m^2 thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 6, trong tổng diện tích 41.501,8m^2 toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Thửa số 58 có tứ cận: Phía đông giáp thửa đất số 53 (chưa đăng ký kê khai), phía tây giáp suối và đường, phía nam giáp đất ông Cao Xuân L và phía bắc giáp suối. Tài sản trên đất gồm: 105 cây điều trồng năm 2000 và 62 cây điều trồng năm 2004.

Tổng tài sản bà Nguyễn Thị Hồng V; anh Trương Phú Ch và anh Trương Minh T được hưởng có trị giá là 926.710.000 đồng. Toàn bộ tài sản do bà Nguyễn Thị Hồng V làm người đại diện đứng tên tài sản chung.

Các nguyên đơn bà Trương Thị D; ông Trương Văn H, sinh năm 1962; ông Trương Văn H; bà Trương Thị S và ông Trương Văn H, sinh năm 1973; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Phú Ch và anh Trương Minh T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự chịu chi phí theo quy định của pháp luật.

5. Tuyên bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01/12/2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho anh Trương Phú Ch. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01/12/2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho anh Trương Phú Ch, thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.143m^2, toạ lạc tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc dùng toàn bộ diện tích đất 1.143m^2, toạ lạc tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước làm nơi thờ cúng của các đồng thừa kế.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/6/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Phú Ch, ông Trương Minh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 29/6/2018 nguyên đơn bà Trương Thị D, ông Trương Văn H, Trương Văn H, bà Trương Thị S, ông Trương Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện P và chấp nhận phần diện tích đất 02 ngôi mộ (ông Trương Văn M và bà Đinh Thị Nh) theo bản vẽ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2008 (Bút lục 98) của Tòa án nhân dân huyện P (cũ) là phần tài sản chung, các đồng thừa kế và con cháu có quyền sửa chữa, tu bổ, thăm viếng.

Tại phiên tòa:

- Các bên đương sự đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Vào ngày 12/01/2016 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2016/QĐST-DS với lý do cần đợi kết quả trả lời của UBND huyện P để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (bút lục 215). Tuy nhiên, khi chưa ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án thì vào ngày 14/11/2016 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 26/2016/QĐ-TĐC và tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là vi phạm quy định tại Điều 216 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên cấp phúc thẩm không làm căn cứ để hủy án sơ thẩm mà nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2] Tài sản mà các bên đang tranh chấp là đất và tài sản trên đất, bao gồm:

- Thửa đất số 30a, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.764m^2 , tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Thửa đất số 31b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.491m^2, tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.495m^2, tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.691m^2, tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Tất cả các diện tích đất trên trước đây đã được UBND huyện P (nay là UBND huyện P) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSĐ) cho bà Nguyễn Thị Hồng V theo Giấy chứng nhận số X428835, số vào sổ 4239/CN ngày 03-9-2003.

- Diện tích đất 20.195m^2 thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 6, trong tổng diện tích 41.501,8m^2 tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất này hiện anh Trương Phú Ch đang kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất 31.696,4m^2, thuộc thửa số 39, toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện do anh Trương Phú Ch kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, nhưng chưa được xét duyệt cấp đất.

- Diện tích 1.143m^2 thuộc thửa đất số 87 và 88, tờ bản đồ số 41 toạ lạc tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2421/ĐS ngày 01-12-2004 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho anh Trương Phú Ch.

Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án phúc thẩm thực hiện được vào ngày 27/12/2018 và xác nhận của bà V, anh Ch tại phiên tòa đã xác định được: các thửa đất số 30a, 31b, 12 và 31 mà bà V đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X428835, số vào sổ cấp GCN 4239/CN hiện nay hộ gia đình bà V đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là: Sở TN-MT) tách ra và cấp riêng theo 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ&TSGLVĐ) vào ngày 27/9/2017. Cụ thể:

- Thửa đất số 30a có diện tích 1.764m^2 và thửa đất số 31b có diện tích 1.491m^2 đã được nhập chung thành thửa số 26, tờ bản đồ số 18 và được cấp chung trong GCNQSDĐ&TSGLVĐ số CĐ 741544, số vào sổ cấp GCN CS02685/C.DOI có diện tích là 3601,2m^2.

- Thửa đất số 31 có diện tích diện tích 6.691m^2 đã được tách ra cấp riêng tại GCNQSDĐ&TSGLVĐ số CĐ741542, số vào sổ cấp GCN CS02683/C.DOI với diện tích thực tế là 7019,1m^2 thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 28.

- Thửa đất số 12 có diện tích 14.495m^2 đã được tách ra cấp riêng tại GCNQSDĐ&TSGLVĐ số CĐ741543, số vào sổ cấp GCN CS02684/C.DOI ngày 27/9/2017 theo diện tích thực tế là 13.636,0m^2 thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 18.

Như vậy, GCNQSDĐ số X428835 cấp cho bà V là đối tượng mà các nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy đã được cơ quan có thẩm quyền thay thế bằng các GCNQSDĐ&TSGLVĐ mới cấp cho hộ gia đình bà V như đã nêu. Các thửa đất được cấp trong các giấy chứng nhận cũ và mới cũng có sự khác nhau về diện tích và loại đất. Trong đó, riêng đối với diện tích 1.764m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ số X428835 là bao gồm 400m^2 đất thổ cư

(ONT) và 1.364m^2 đất vườn nhưng tại giấy chứng nhận mới số CĐ 741544 khi nhập diện tích này với diện tích 1.491m^2 thì tổng diện tích là 3.601,2m^2 đất trồng cây hàng năm (tăng 346,2m^2 so với diện tích được cấp tại GCNQSĐ cũ) và không còn 400m^2 đất thổ cư đã được cấp trong giấy chứng nhận cũ. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa phúc thẩm tuyên hủy GCNQSDĐ&TSGLVĐ số CĐ741542, số vào sổ cấp GCN CS02683/C.DOI đã cấp đối với diện tích đất 6.691m^2 (nay là 7019,1m^2) mà cấp sơ thẩm đã tuyên giao cho các nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm đang thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù bà V, anh Ch, anh T đều biết việc bà V đã làm thủ tục và được Sở TN-MT tỉnh Bình Phước cấp đổi GCNQSDĐ vào ngày 27/9/2017. Nhưng, cả bà V, anh Ch, anh T đều không thông báo, không cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm những tài liệu, chứng cứ về việc cấp đổi, về sự thay đổi về diện tích cũng như loại đất được cấp trong các GCNQSDĐ mới. Ngày 07/6/2018, Tòa án cấp sơ thẩm cũng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản trên nhưng cũng không phát hiện ra. Do việc thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ, chưa làm rõ sự thay đổi về tài sản, về trình tự thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền tài sản; việc xem xét tính hợp pháp của các giấy chứng nhận mới trên liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, trong đó có quyền kháng cáo của Sở TN-MT tỉnh Bình Phước. Do đó, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Mặt khác, tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trước đây các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích 1.143m^2 là tài sản chung không chia để làm nơi thờ cúng. Nay các nguyên đơn chỉ yêu cầu công nhận phần diện tích đất có hai ngôi mộ và một phần đất làm giao thông đi vào khu vực mộ là nơi thờ cúng chung không chia với diện tích 5,5m x 20m. Để giải quyết yêu cầu này cần phải có cơ quan chuyên môn thực hiện thủ tục đo đạc và lập bản đồ đối với phần đất nguyên đơn yêu cầu. Vì vậy, cấp phúc thẩm thấy cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận;

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị D, ông Trương Văn H sinh năm 1962, Trương Văn H, bà Trương Thị S, ông Trương Văn H sinh năm 1973;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V (tên gọi khác: Ngụy Thị Hồng V);

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Phú Ch, anh Trương Minh T;

Hủy Bản án sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện P có trách nhiệm hoàn trả cho các đương sự các khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà các bên đã nộp, cụ thể:

- Hoàn trả cho các ông bà Trương Thị D, Trương Văn H sinh năm 1962, Trương Văn H, bà Trương Thị S, ông Trương Văn H sinh năm 1973 số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026518, quyển số 0531 ngày 03/7/2018;

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V (Ngụy Thị Hồng V) số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026493, quyển số 0530 ngày 20/6/2018;

- Hoàn trả cho anh Trương Minh T số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026501, quyển số 0531 ngày 28/6/2018.

- Hoàn trả cho anh Trương Phú Ch số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026502, quyển số 0531 ngày 28/6/2018;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bình Phước;
-TAND huyện P;
-Chi cục THADS huyện P;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Quý Chi